

Số: /TTr-SNNMT
“DỰ THẢO”

Lai Châu, ngày tháng 7 năm 2025

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết: số 38/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; số 72/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; số 29/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024; số 47/2024/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết: số 38/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; số 72/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; số 29/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024; số 47/2024/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

Căn cứ Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, trong đó có nội dung kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện hiện nay kể từ ngày 01/7/2025.

b) Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Lai Châu thông qua Đề án phát triển một số cây dược liệu giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 Ban hành Quy định định mức chi ngân sách nhà nước, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất, dịch vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của HĐND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 47/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường sử dụng ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Cơ sở thực tiễn

Triển khai thực hiện Kết luận số 137-KL/TW, ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; Kế hoạch số 1576/KH-UBND ngày 15/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp tại tỉnh Lai Châu; Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) do Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đang còn hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị mình đề xuất phương án xử lý đối với các nội dung chịu tác động khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và

tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (kết thúc hoạt động của chính quyền cấp huyện). Theo đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện rà soát các văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước, do ngành mình chủ trì tham mưu HĐND tỉnh ban hành chịu tác động từ việc sắp xếp; đề xuất phương án xử lý cụ thể, phù hợp với chủ trương của Đảng và quy định của cơ quan nhà nước cấp trên. Trên cơ sở rà soát, đề xuất của các phòng, đơn vị, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát lại, tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh phương án xử lý đối với các văn bản chịu tác động từ việc sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan và xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp, trong đó có phương án xử lý đối với các văn bản có nội dung không còn phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành cần sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung danh mục để xử lý đối với VBQPPL do HĐND có nội dung chịu tác động khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Để kịp thời xử lý các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh ban hành có nội dung chịu tác động khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, không để khoảng trống pháp lý, không bị gián đoạn khi chính quyền địa phương hai cấp đi vào hoạt động, ngày 23/6/2025 UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 3105/UBND-TH. Theo đó, trên cơ sở kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật, UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổ chức soạn thảo một (01) Nghị quyết để sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết của HĐND tỉnh theo trình tự thủ tục rút gọn nhằm tránh tình trạng HĐND tỉnh phải ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết: số 38/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; số 72/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; số 29/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024; số 47/2024/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu .

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành văn bản

Việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật nhằm sửa đổi, bổ sung một số Điều của các văn bản quy phạm pháp luật không phù hợp với quy định của cơ quan nhà nước cấp trên để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật.

Việc xây dựng một (01) nghị quyết để sửa đổi, bổ sung nhiều nghị quyết quy phạm pháp luật cùng do HĐND tỉnh ban hành nhằm giảm bớt đầu mối cơ quan tham mưu soạn thảo văn bản sửa đổi, bổ sung; giảm thời gian cho các phòng, đơn

vị có liên quan trong việc phải thực hiện các quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; giảm kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

Rà soát, xác định chính xác, đầy đủ những văn bản cần sửa đổi, bổ sung.

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết cần tuân thủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung ngày 25/6/2025) và các văn bản quy định chi tiết, biện pháp thi hành trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3105/UBND-TH ngày 23/6/2025 về việc tổ chức triển khai thực hiện xử lý đối với văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành có nội dung chịu tác động khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Công văn số 2212/SNNMT-VP ngày 03/7/2025 về việc đề xuất bổ sung danh mục xây dựng VBQPPL để thực hiện xử lý đối với VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành có nội dung chịu tác động khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Văn phòng UBND tỉnh đã có Công văn số 710/VPUBND-KTN ngày 04/7/2025 v/v tham gia ý kiến đối với đề nghị xây dựng VBQPPL; ngày 09/7/2025 Sở Tư pháp có Công văn số 1224/STP-XDKT&THPL về việc tham gia ý kiến đối với đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường về xây dựng văn bản QPPL; ngày 14/7/2025 UBND tỉnh có Công văn số 3764/UBND-KTN về bổ sung danh mục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Theo đó Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện xây dựng dự thảo Nghị quyết theo quy trình, thủ tục trình tự thủ tục rút gọn quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên cơ sở kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật của các phòng, đơn vị đối với các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh ban hành, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổng hợp, rà soát lại tính pháp lý, lý do đề xuất để soạn thảo 01 dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung **04** Nghị quyết của HĐND tỉnh. Cụ thể như sau:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, tổ chức soạn thảo dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức lấy ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường có liên quan theo văn bản số... /SNNMT-VP ngày tháng 7 năm 2025.

3. Toàn bộ nội dung, hồ sơ dự thảo Nghị quyết đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải lên mục “LẤY Ý KIẾN VỀ DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT” trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu từ ngày .../7/2025 đến ngày .../7/2025 và Sở Nông nghiệp và Môi

trường cũng đã đăng tải trên Trang Thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại địa chỉ: <https://sonnmt.laichau.gov.vn/van-ban/xin-y-kien-du-thao-van-ban>, từ ngày .../7/2025 đến ngày .../7/2025.

4. Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số .../SNNMT-VP ngày .../7/2025.

5. Sở Tư pháp đã có ý kiến thẩm định tại Báo cáo thẩm định số .../BC-STP ngày .../7/2025; trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện nội dung dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh.

(Có Phụ lục tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia kèm theo)

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều có quy định phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường điều chỉnh các Nghị quyết sau: số 38/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh thông qua đề án phát triển một số cây dược liệu giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2023 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 72/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về ban hành Quy định định mức chi ngân sách nhà nước, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất, dịch vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; số 47/2024/NQ-HĐND ngày 30/ 9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường sử dụng ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 29/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của HĐND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

- Đối tượng áp dụng: Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Lai Châu; các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân các cấp; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở Mẫu số 24 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ “*Mẫu văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết: số 38/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; số 72/2023/NQ-HĐND*

ngày 08/12/2023; số 29/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024; số 47/2024/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu”.

Bộ cục dự thảo Nghị quyết được thiết kế gồm 05 Chương, 10 Điều, cụ thể như sau:

(1). Chương I: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 38/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Lai Châu thông qua Đề án phát triển một số cây dược liệu giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Thay thế cụm từ “các huyện, thành phố” bằng cụm từ “các xã, phường” tại điểm a khoản 1 Điều 1.

Điều 2. Sửa đổi điểm b khoản 5 Điều 1:

(2) Chương II: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về ban hành Quy định định mức chi ngân sách nhà nước, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất, dịch vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất và gạch đầu dòng thứ hai điểm c, điểm d, d khoản 2 Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết.

Điều 4. Sửa đổi điểm c, d khoản 3 Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết

Điều 5. Sửa đổi một số Mẫu hồ sơ tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết

(3) Chương III: Sửa đổi Điều 1 của Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh

Điều 6. Sửa đổi Điều 1 như sau: thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bố trí đủ vốn đối ứng cấp huyện để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân cấp giao cho các huyện, thành phố thực hiện.” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường bố trí đủ vốn đối ứng cấp xã để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân cấp giao cho các xã, phường thực hiện.”.

(4) Chương IV: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 47/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường sử dụng ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 1

Điều 8. Sửa đổi khoản 2 Điều 2

Điều 9. Bãi bỏ Điều 3

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 4

(5) Chương V: Điều khoản thi hành

Điều 11. Điều khoản thi hành

3. Nội dung cơ bản

3.1. Chương I: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 38/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Lai Châu thông qua Đề án phát triển một số cây dược liệu giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Điều 1. Thay thế cụm từ “các huyện, thành phố” bằng cụm từ “các xã, phường” tại điểm a khoản 1 Điều 1.

Điều 2. Sửa đổi điểm b khoản 5 Điều 1:

“b) Bảo tồn, xây dựng mô hình, hoàn thiện quy trình sản xuất, nhân giống các loại cây dược liệu: Sâm Lai Châu, Bảy lá một hoa, Lan Kim tuyến:

- Xây dựng các vườn giống gốc để bảo tồn các loại cây dược liệu: Sâm Lai Châu, Bảy lá một hoa, Lan kim tuyến; đồng thời di thực trồng thí điểm tại các khu vực có điều kiện tương đồng, cụ thể:

+ Sâm Lai Châu: Bảo tồn trên 1.700 cây mẹ, tập trung bảo tồn tại các xã: Pa Ủ, Thu Lũm, Bum Nua.

+ Bảy lá một hoa: bảo tồn trên 1.150 cây mẹ, tập trung bảo tồn tại các xã Sìn Hồ, Tủa Sín Chải.

+ Lan Kim tuyến: Bảo tồn trên 1.300 cây mẹ, tập trung bảo tồn tại xã Pắc Ta.

- Xây dựng 03 mô hình trình diễn, hoàn thiện quy trình trồng các cây dược liệu: Sâm Lai Châu (01 mô hình), Bảy lá một hoa (01 mô hình), Lan Kim tuyến (01 mô hình).”

3.2. Chương II: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về ban hành Quy định định mức chi ngân sách nhà nước, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất, dịch vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh

Điều 3. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất và gạch đầu dòng thứ hai điểm c, điểm d, đ khoản 2 Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết

“c) Bước 3: Tiếp nhận hồ sơ

- Cấp tỉnh: Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan theo lĩnh vực chuyên môn tiếp nhận hồ sơ đối với các dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành nghề, lĩnh vực khác theo lĩnh vực chuyên môn trên địa bàn hai xã trở lên và các dự án, kế hoạch sử dụng vốn giao cho các cơ quan cấp tỉnh.

- Cấp xã: Các phòng, ban, đơn vị liên quan theo lĩnh vực chuyên môn tiếp nhận hồ sơ đối với các dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành nghề, lĩnh vực khác theo lĩnh vực chuyên môn trên địa bàn.”

“d) Bước 4: Thẩm định

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết đối với các dự án, kế hoạch liên kết và dự án phát triển được liệu quý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Thành phần Hội đồng thẩm định cấp tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết đối với các dự án, kế hoạch liên kết do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt. Thành phần Hội đồng thẩm định cấp xã do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định.

Thời gian thẩm định: Không quá 12 ngày làm việc kể từ khi nhận được đủ hồ sơ hợp lệ (*Tỉnh cả trường hợp phải đi thực tế để khảo sát đánh giá địa bàn triển khai dự án/kế hoạch*). Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, nếu hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

“đ) Bước 5: Phê duyệt

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn từ hai xã trở lên và dự án, kế hoạch liên kết được hỗ trợ từ vốn giao cho các cơ quan cấp tỉnh thực hiện hoạt động hỗ trợ và dự án phát triển được liệu quý. Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn.

Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết bao gồm: Tên dự án, kế hoạch; tên đơn vị chủ trì liên kết, các bên liên kết; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (*ngân sách nhà nước, vốn của đơn vị chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách (nếu có)*); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng nội dung, hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (*nếu có*); nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của các Chương trình mục tiêu quốc gia; tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (*nếu có*); phương án tài chính xử lý các rủi ro (*nếu có*); chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (*nếu có*).

Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình của cơ quan thẩm định, Chủ tịch ủy ban nhân cấp tỉnh/xã quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết; trường hợp dự án, kế hoạch liên kết không đủ điều kiện phê duyệt theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

Điều 4. Sửa đổi điểm c, d khoản 3 Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết

“c) Bước 3: Thẩm định

Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ thẩm định hồ sơ và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ

trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Trưởng phòng chuyên môn trực thuộc theo ủy quyền; thành viên là lãnh đạo và các công chức thuộc các phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu cần thiết). Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng các tiêu chí lựa chọn, sự cần thiết thực hiện dự án, phương án sản xuất, dịch vụ; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi sử dụng vốn nguồn ngân sách nhà nước (nếu có).”

“d) Bước 4: Phê duyệt

- Căn cứ ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất.

- Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất bao gồm: Tên dự án, phương án; đại diện cộng đồng và danh sách cộng đồng tham gia dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí chi tiết; nguồn kinh phí thực hiện (*ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)*); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (*nếu có*); tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (*nếu có*); hình thức, mức quay vòng (*nếu có*); giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (*nếu có*); chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (*nếu có*).

- Trong thời gian 7 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

Điều 5. Sửa đổi một số Mẫu hồ sơ tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết

- Tại Mẫu số 01 (Đơn đề nghị về việc hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị), sửa đổi phần ghi chú tại cuối trang của như sau: “*1 Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường (phòng chuyên môn được ủy quyền, được cấp có thẩm quyền giao)*”

- Tại mục 1. Thành phần tham dự của Mẫu số 04 (Biên bản họp thôn, bản): bỏ “*Đại diện UBND huyện (nếu có)*”

- Tại Mẫu số 05 (Đơn đề nghị về việc hỗ trợ thực hiện dự án/phương án sản xuất, dịch vụ cộng đồng) sửa đổi như sau:

+ Phần Kính gửi: “*Kính gửi: UBND xã, phường.....*”;

+ Căn cứ cuối cùng tại đơn đề nghị sửa như sau: “*Căn cứ chính sách hỗ trợ*

phát triển sản xuất cộng đồng của các Chương trình mục tiêu quốc, (Tên cộng đồng dân cư) đề nghị UBND xã/phường xem xét thẩm định, phê duyệt Dự án/phương án phát triển sản xuất cộng đồng như sau: ”

- Tại Mẫu DL.01 (Đơn đề nghị về việc đầu tư, hỗ trợ triển khai thực hiện dự án được liệu quý) đề nghị bỏ “UBND huyện (quận): ” tại phần Kính gửi.

3.3. Chương III: Sửa đổi Điều 1 của Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh

Điều 6. Sửa đổi Điều 1 như sau: thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bố trí đủ vốn đối ứng cấp huyện để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân cấp giao cho các huyện, thành phố thực hiện.” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường bố trí đủ vốn đối ứng cấp xã để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân cấp giao cho các xã, phường thực hiện.”.

3.4. Chương IV: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 47/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường sử dụng ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 1

1. Sửa đổi khoản 1 như sau: bỏ cụm từ “ngân sách cấp huyện”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau: bỏ cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện)” và thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân xã, phường”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 1 như sau: thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” và bỏ cụm từ “công chức chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp xã”.

Điều 8. Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại khoản 2 Điều 2.

Điều 9. Bãi bỏ Điều 3.

Điều 10. Sửa đổi Điều 4:

12.1. Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải bao gồm:

a) Điều tra, thống kê, đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

b) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh;

c) Xây dựng, hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải khu vực công cộng; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, chất thải thuộc trách nhiệm quản lý;

d) Xây dựng, sửa chữa, cải tạo hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề.”

12.2. Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất khác do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm thuộc trách nhiệm xử lý của cấp xã; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên thuộc trách nhiệm xử lý của cấp xã.”

12.3. Sửa đổi điểm a khoản 3 như sau:

“a) Các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ, trạm trung chuyển, khu tập kết, hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý chất thải rắn tập trung, hệ thống xử lý nước thải, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt; hệ thống các công trình, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt; đầu tư công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do cấp xã quản lý. Đối với các dự án thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quản lý thì kinh phí thực hiện do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chi trả, ngân sách nhà nước không hỗ trợ;”.

12.4. Bổ sung điểm e, g khoản 7 như sau:

“e) Cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thống kê và xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

g) Xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.”

3.5. Chương V: Điều khoản thi hành

Điều 11. Điều khoản thi hành

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết: số 38/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; số 72/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; số 29/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024; số 47/2024/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025./.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

Thời gian trình ban hành văn bản

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh vào phiên họp tháng năm 2025.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường xin kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: 1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; (3) Văn bản lấy ý kiến tham gia của Sở Nông nghiệp và Môi trường

và các văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan, đơn vị; (4) Báo cáo tiếp thu, giải trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường; (5) Văn bản đề nghị Sở Tư pháp thẩm định của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Đ/c PGĐ sở;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Bùi Huy Phương